

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong tình hình mới. Kiên trì và nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, khơi dậy khát vọng, phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thể chế hóa những quan điểm của Đảng về công tác dân tộc thành cơ chế, chính sách cụ thể. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách dân tộc. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN). Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn, nhất là xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Tập trung nguồn lực và có chính sách phù hợp đối với các địa bàn đặc biệt khó khăn, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, góp phần củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc và phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

2. Yêu cầu

- Kiên trì, nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc, xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của hệ thống chính trị để thực hiện nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết,

tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ, đảm bảo ổn định, phát triển và hội nhập.

- Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp để triển khai tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân đối với công tác dân tộc trong tình hình mới.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng năm và có giải pháp cụ thể để hoàn thành các nhóm nhiệm vụ, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra; thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo hằng năm, sơ kết, tổng kết theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai những nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của vùng, bảo vệ môi trường và không gian sinh sống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa vùng đồng bào DTTS&MN với vùng khác trong tỉnh, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân vùng DTTS&MN.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với thực hiện Chương trình số 22-CTr/TU ngày 28/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển vùng đồng bào DTTS&MN; giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tại các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân tối thiểu 1,5%/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều các xã đặc biệt khó khăn xuống dưới 10%, phấn đấu đến năm 2030 không còn hộ nghèo; thu nhập bình quân của người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi gấp 2 lần năm 2025.

- Cơ bản không còn các xã đặc biệt khó khăn; 40% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

- Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã; đường đến trung tâm xã được nâng cấp, cải tạo, mở rộng; 100% các xã,

thôn, bản bảo đảm giao thông trong mùa mưa lũ; 100% đường trục xã, liên xã, 90% đường trục thôn, liên thôn, 80% đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa bảo đảm tiêu chuẩn; 80% kênh mương được kiên cố hóa; 75% diện tích trồng lúa nước và cây hàng năm được tưới tiêu chủ động.

- 100% dân số vùng dân tộc thiểu số và miền núi tham gia bảo hiểm y tế. 100% xã đạt và duy trì bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2026-2030; tỷ lệ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được sử dụng nước sạch đạt 60%.

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt 68 năm.

- 98% trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học - trung học cơ sở, trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó, có ít nhất 30% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, thành lập mới 03 - 05 trường bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại xã đặc biệt khó khăn; 5% học sinh vùng dân tộc thiểu số và miền núi được học tập tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông nội trú.

- Hoàn thành 100% việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho toàn bộ diện tích rừng có chủ quản lý đủ điều kiện. Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, phát triển rừng trồng gỗ lớn và mở rộng diện tích rừng đạt chứng chỉ bền vững quốc tế (FSC).

- 100% xã, thôn có nhà văn hóa, trong đó, có ít nhất 80% nhà văn hóa đạt chuẩn; quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- 100% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận thông tin về công nghệ số, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung phát triển thương mại miền núi; 100% trưởng thôn, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, đặc sản địa phương (OCOP); phấn đấu có 30% sản phẩm OCOP là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- 100% cán bộ, công chức làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ công tác dân tộc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Về cơ bản trên địa bàn tỉnh không còn thôn đặc biệt khó khăn; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao toàn diện; cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Thu nhập bình quân của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt mức tiệm cận bình quân chung của tỉnh.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, hiện đại; người dân được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Chất lượng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

- Bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phát triển bền vững, giàu bản sắc văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập cùng sự phát triển chung của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức về chiến lược công tác dân tộc

- Cấp ủy, chính quyền các cấp quán triệt sâu rộng và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mình trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào DTTS&MN cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước; triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, trọng tâm là: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị 19/CT-TTg; Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Chương trình số 22-CTr/TU ngày 28/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh thực hiện Chương trình số 22-CTr/TU ngày 28/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Xác định chiến lược công tác dân tộc là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị, đồng thời là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Tăng cường giáo dục pháp luật, ý thức cảnh giác trong đồng bào DTTS, chủ động đấu tranh chống âm mưu diễn biến hòa bình, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, lôi kéo chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

2.2. Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc tại địa phương

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, giải pháp tập trung hơn nữa để dành nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu

tư; ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời; cân đối ngân sách tỉnh để thực hiện. Tập trung huy động nguồn lực, ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình phát triển vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2030 trọng tâm tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập, thu hút các nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước phục vụ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN; thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.3. Đổi mới hoạt động, kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách; xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, thể chế hóa những quan điểm của Đảng về công tác dân tộc thành cơ chế, chính sách cụ thể. Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; quy định cụ thể các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế.

- Thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Rà soát, kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan phù hợp với yêu cầu phát triển của vùng đồng bào DTTS&MN và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.

2.4. Xây dựng, triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc

- Các cơ quan, đơn vị chủ động bám sát sự chỉ đạo, điều hành của ngành dọc cấp trên để xây dựng thực hiện các kế hoạch đã đề ra; nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng các đề án, chính sách, dự án đặc thù nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tham mưu hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung các chính sách hiện có và ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc đồng bộ, thống nhất theo địa bàn, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các xã.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng đồng bào DTTS&MN. Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các chính sách, chương trình, dự án trên địa bàn, nhất là vùng đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; các nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình số 22-CTr/TU ngày 28/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trong vùng dân tộc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây mất ổn định trên địa bàn.

2.5. Giải pháp về khoa học công nghệ, chuyển đổi số

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo các cấp. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện đồng bộ với chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, xóa các "vùng lõm" sóng di động, phủ kín Internet cáp quang. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông, Internet, hạ tầng số tại các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, bảo đảm người dân được tiếp cận kinh tế số, dịch vụ.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện; bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời, chính xác.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyên dịch cơ cấu kinh tế; chuyển đổi số ứng dụng khoa học công nghệ. Tăng cường phổ cập kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số; phát huy vai trò trưởng thôn, bản, người có uy tín, tổ chuyển đổi số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ số. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin theo hướng số hóa cơ sở dữ liệu về pháp luật, khai thác, sử dụng hiệu quả các trang thông tin điện tử, mạng xã hội.

2.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của địa phương. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc các cấp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về công tác dân tộc, kỹ năng tham mưu, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực thi công vụ.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS&MN gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển

dịch cơ cấu lao động và yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, phường vùng đồng bào DTTS&MN chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện kịp thời, huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện có hiệu quả Kế hoạch, đáp ứng yêu cầu thực tế (thời gian hoàn thành trong tháng 7/2026 và gửi về Sở Dân tộc và Tôn giáo). Định kỳ trước ngày 10/12 hằng năm, tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định.

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, rà soát các nhiệm vụ, kịp thời đề xuất, bổ sung những nội dung cụ thể theo các quy định của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương. Định kỳ hằng năm tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định; tham mưu sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2030 và tổng kết vào năm 2045.

- Là đầu mối theo dõi, rà soát, tham mưu giúp UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cơ chế, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS&MN. Tham mưu xây dựng Chương trình, đề án, chính sách, dự án tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc hằng năm bảo đảm việc lồng ghép thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030; ưu tiên tập trung nguồn lực để thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, giải quyết các vấn đề cấp thiết như: đất ở, nhà ở, đất sản xuất, điện, nước sinh hoạt và hạ tầng xã hội thiết yếu ổn định cuộc sống của đồng bào DTTS&MN; tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, đề án, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN; tăng cường đồng thuận xã hội; củng cố lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

- Tập trung tham mưu thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình số 22-CTr/TU ngày 28/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, đề xuất, tổng hợp chung Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2035. Trực tiếp chủ trì, triển khai, thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình MTQG, tham mưu, đề xuất, theo dõi, tổng hợp báo cáo, đánh giá, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp phần thứ hai của Chương trình MTQG.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các nội dung, mục tiêu của kế hoạch đã đề ra theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với sở, ban ngành và địa phương liên quan nghiên cứu, xây dựng chính sách bố trí ổn định dân cư; phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các vùng khó khăn nhằm ổn định đời sống dân cư; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn phát triển kinh tế gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân đã được phê duyệt trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035, trong đó ưu tiên các đối tượng người nghèo, người dân tộc thiểu số tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp để phát triển nông nghiệp trong vùng đồng bào DTTS&MN theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh; hình thành các vùng chuyên canh tập trung với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, chú trọng cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực (quốc gia, cấp tỉnh, đặc sản địa phương) gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); gắn sản xuất, bảo quản với chế biến và kết nối thị trường nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN. Đồng thời định hướng cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo lĩnh vực phù hợp với kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định về đất đai phù hợp với tình hình thực tiễn trong công tác quản lý, sử dụng đất ở, đất sản xuất của người dân vùng đồng bào DTTS&MN. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với đời sống của người dân vùng đồng bào DTTS&MN; xây dựng kế hoạch hỗ trợ người dân vùng đồng bào DTTS&MN ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập.

4. Sở Nội vụ

- Hằng năm, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, trong đó quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Phối hợp với các sở, ngành và địa phương thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số, nhất là cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số đảm bảo theo quy định của pháp luật.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành và địa phương liên quan nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí vùng DTTS&MN; nghiên cứu phương án nâng cấp, mở rộng quy mô các trường THPT ở vùng đồng bào

DTTS&MN để tạo điều kiện học tập thuận lợi, thúc đẩy phát triển toàn diện và nâng cao tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học cấp THPT tại địa bàn. Tham mưu tổ chức triển khai hiệu quả Đề án “Đào tạo nguồn lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm” giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2045.

- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động tại địa phương. Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phát triển tâm vóc đối với trẻ em, học sinh vùng đồng bào DTTS&MN.

- Ưu tiên bố trí đủ số lượng, cơ cấu và bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng chính sách, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách giáo dục đối với vùng đồng bào DTTS&MN.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan rà soát, nghiên cứu, bổ sung chính sách đào tạo nguồn nhân lực y tế cho vùng đặc biệt khó khăn; quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị thỏa đáng cho các cơ sở y tế tuyến xã tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế; đào tạo nhân lực y tế, tăng cường khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ y tế, dân số có chất lượng; giảm gánh nặng chi phí chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và người dân vùng đồng bào DTTS&MN.

- Ưu tiên giải quyết các vấn đề sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình; chính sách tiêm chủng, dinh dưỡng và an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù nhằm ưu tiên đầu tư, hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, trong đó chú trọng các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một. Đồng thời, tổ chức bảo tồn, phát triển không gian văn hóa, văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch bền vững; ưu tiên phát triển văn hóa, du lịch cộng đồng có sự tham gia và hưởng lợi của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tham mưu phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân vùng đồng bào DTTS&MN; quảng bá, xúc tiến du lịch trong vùng đồng bào DTTS&MN; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; du lịch lịch sử - văn hóa, phát triển sản phẩm du lịch “xanh”, du lịch “trải nghiệm”, du lịch “nông nghiệp” vùng đồng bào DTTS&MN.

8. Sở Công Thương

- Chỉ đạo rà soát hạ tầng điện tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn; đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện của ngành điện, khắc phục tình trạng điện yếu, phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nội vùng, liên vùng thông qua hệ thống chợ đầu mối và các hội chợ xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong phát triển các kênh phân phối và thương mại điện tử; phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ phù hợp đặc thù vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ phát triển thương hiệu, tổ chức xúc tiến tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào DTTS&MN.

9. Sở Xây dựng

Phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tập trung nguồn lực phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn, cầu dân sinh vùng đồng bào DTTS&MN; phối hợp triển khai thực hiện các chính sách nhà ở theo các chương trình của trung ương, trong đó ưu tiên đối tượng là người dân tộc thiểu số.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu triển khai xây dựng chuyên giao tiên bộ khoa học và công nghệ góp phần chuyển đổi, phát triển sinh kế phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng, đặc thù của vùng đồng bào DTTS&MN, hướng tới phát triển bền vững.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các tiên bộ khoa học, công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sáng kiến, sáng chế phù hợp điều kiện đặc thù của các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tham mưu UBND tỉnh tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng viễn thông cho vùng đồng bào DTTS&MN; phát triển hạ tầng kinh tế số, đẩy mạnh chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS&MN.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội; giúp dân giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vùng đồng bào DTTS&MN tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội ĐBKK. Thực hiện có hiệu quả Đề án “Quân đội tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch trong tình hình mới”.

12. Công an tỉnh

Chủ động triển khai các biện pháp nghiệp vụ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từng bước xóa bỏ tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn hành vi lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo nhằm chống phá công tác triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tập trung tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho đồng bào DTTS về âm mưu thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội

phạm có liên quan đến người dân tộc và vùng đồng bào DTTS&MN để kịp thời nhận diện, chủ động phòng ngừa đấu tranh với âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động ly khai tự trị, biểu tình, bạo loạn, gây rối an ninh trật tự trên địa bàn. Tiếp tục phát huy vai trò của người có uy tín vùng đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

13. Văn phòng UBND tỉnh

- Tham mưu thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Triển khai hiệu quả Đề án số 06-ĐA/TU ngày 05/02/2026 của Tỉnh ủy về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án. Các nhiệm vụ triển khai theo hướng lồng ghép, gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

14. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tiếp tục chủ trì thực hiện tốt chính sách tín dụng đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ đồng bào DTTS ở các xã ĐBKK, nhằm tạo điều kiện để hộ nghèo vùng ở đồng bào DTTS&MN được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh.

15. Báo, Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh, Trung tâm Thông tin tỉnh

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc và nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và các chính sách khác có liên quan đến vùng DTTS trên địa bàn tỉnh.

16. UBND các xã, phường vùng đồng bào DTTS&MN

- Căn cứ các chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn; chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng phòng, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân. Kịp thời phản ánh, kiến nghị với cấp trên để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

- Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép vốn các chính sách, dự án đầu tư trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch để thực hiện, bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo lãng phí; phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch, đề án của địa phương.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn; kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở địa phương. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng; khuyến khích tinh thần tự lực, tự cường, từng bước thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”, vươn lên thoát nghèo bền vững.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Tăng cường vận động đồng bào DTTS&MN đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, nêu cao ý thức tự lực, tự cường, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh; chăm lo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 12/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường thuộc vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Phan Thế Tuấn;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường vùng đồng bào DTTS&MN;
- VP UBND tỉnh: PVP Tuyên, THĐT;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thế Tuấn

DANH SÁCH CÁC XÃ/PHƯỜNG NHẬN VĂN BẢN

1.	Xã Tuấn Đạo
2.	Xã Đại Sơn

3.	Xã Sơn Động
4.	Xã Tây Yên Tử
5.	Xã Dương Hưu
6.	Xã Yên Định
7.	Xã An Lạc
8.	Xã Vân Sơn
9.	Xã Biển Động
10.	Xã Lục Ngạn
11.	Xã Đèo Gia
12.	Xã Sơn Hải
13.	Xã Tân Sơn
14.	Xã Biên Sơn
15.	Xã Sa Lý
16.	Phường Chũ
17.	Phường Phượng Sơn
18.	Xã Nam Dương
19.	Xã Kiên Lao
20.	Xã Lục Sơn
21.	Xã Trường Sơn
22.	Xã Nghĩa Phương
23.	Xã Bảo Đài
24.	Xã Kép
25.	Xã Đông Phú
26.	Xã Yên Thế
27.	Xã Đông Kỳ
28.	Xã Xuân Lương
39.	Xã Tam Tiến
30.	Xã Bồ Hạ
31	Xã Lạng Giang
32	Xã Nhã Nam
33	Xã Cẩm Lý